

## 【滋賀県】 主な野菜の作付面積と収穫量

		作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比		
					作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)
指 定 野 菜	キャベツ	332	10,000	8,730	100	101	102
	春キャベツ	27	...	...	nc	nc	nc
	夏秋キャベツ	10	...	...	nc	nc	nc
	冬キャベツ	295	8,850	7,700	102	104	104
	きゅうり	119	3,490	2,450	96	101	102
	冬春きゅうり	17	1,590	1,520	100	103	103
	夏秋きゅうり	102	1,900	933	95	99	100
	さといも	80	...	...	nc	nc	nc
	秋冬さといも	80	...	...	nc	nc	nc
	その他さといも	-	...	...	nc	nc	nc
	だいこん	140	4,500	2,490	89	91	91
	春だいこん	20	...	...	nc	nc	nc
	夏だいこん	3	...	...	nc	nc	nc
	秋冬だいこん	117	3,390	1,490	89	91	91
	たまねぎ	108	...	...	nc	nc	nc
	トマト	115	3,510	2,550	92	97	98
	ミニトマト	20	665	581	111	116	116
	加工用トマト	-	-	-	nc	nc	nc
	冬春トマト	20	1,150	1,060	91	91	91
	冬春ミニトマト	8	412	387	114	116	116
	夏秋トマト	95	2,360	1,490	92	100	103
	夏秋ミニトマト	12	253	194	109	117	117
	夏秋加工用トマト	-	-	-	nc	nc	nc
	なす	148	2,550	849	93	98	99
	冬春なす	6	...	...	nc	nc	nc
	夏秋なす	142	2,220	543	93	97	102
	にんじん	51	...	...	nc	nc	nc
	春夏にんじん	4	...	...	nc	nc	nc
	秋にんじん	1	...	...	nc	nc	nc
	冬にんじん	46	...	...	nc	nc	nc
	ねぎ	123	...	...	nc	nc	nc
	春ねぎ	13	...	...	nc	nc	nc
	夏ねぎ	14	...	...	nc	nc	nc
	秋冬ねぎ	96	...	...	nc	nc	nc
	はくさい	136	4,370	3,260	97	99	99
	春はくさい	4	...	...	nc	nc	nc
	夏はくさい	1	...	...	nc	nc	nc
	秋冬はくさい	131	4,190	3,110	97	98	98
	ばれいしょ	138	...	...	nc	nc	nc
	春ばれいしょ	120	...	...	nc	nc	nc
秋ばれいしょ	18	...	...	nc	nc	nc	
ピーマン(ししとう舎)	25	...	...	nc	nc	nc	
冬春ピーマン	0	...	...	nc	nc	nc	
夏秋ピーマン	25	...	...	nc	nc	nc	
ほうれんそう	106	1,230	809	98	98	100	

	レタス(サラダ菜含)	21	…	…	nc	nc	nc
	サラダ菜	0	…	…	nc	nc	nc
	春レタス(サラダ菜含)	3	…	…	nc	nc	nc
	春サラダ菜	0	…	…	nc	nc	nc
	夏秋レタス(サラダ菜含)	4	…	…	nc	nc	nc
	夏秋サラダ菜	0	…	…	nc	nc	nc
	冬レタス(サラダ菜含)	14	…	…	nc	nc	nc
	冬サラダ菜	0	…	…	nc	nc	nc
		作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比		
					作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)
特 定 野 菜	アスパラガス	6	…	…	nc	nc	nc
	いちご	40	…	…	nc	nc	nc
	えだまめ	14	…	…	nc	nc	nc
	かぶ	177	4,990	4,050	92	96	96
	かぼちゃ	88	…	…	nc	nc	nc
	カリフラワー	4	…	…	nc	nc	nc
	かんしょ	…	…	-	nc	nc	-
	グリーンピース	15	93	48	94	89	89
	ごぼう	12	…	…	nc	nc	nc
	こまつな	85	…	…	nc	nc	nc
	さやいんげん	39	…	…	nc	nc	nc
	さやえんどう	30	…	…	nc	nc	nc
	ししとう	10	…	…	nc	nc	nc
	冬春ししとう	0	…	…	nc	nc	nc
	夏秋ししとう	10	…	…	nc	nc	nc
	しゅんぎく	40	536	425	98	98	99
	しょうが	4	…	…	nc	nc	nc
	スイートコーン	33	…	…	nc	nc	nc
	すいか	77	1,270	612	97	96	95
	セルリー	0	…	…	nc	nc	nc
	そらまめ	5	…	…	nc	nc	nc
	ちんげんさい	12	…	…	nc	nc	nc
	にら	1	…	…	nc	nc	nc
	にんにく	9	…	…	nc	nc	nc
	ふき	3	…	…	nc	nc	nc
	ブロッコリー	75	…	…	nc	nc	nc
	みずな	103	1,470	1,300	100	99	99
	みつば	7	…	…	nc	nc	nc
	メロン	48	…	…	nc	nc	nc
	温室メロン	-	…	…	nc	nc	nc
やまのいも	16	…	…	nc	nc	nc	
ながいも	4	…	…	nc	nc	nc	
れんこん	4	…	…	nc	nc	nc	

資料：農林水産省「令和元年産野菜生産出荷統計」及び「令和元年産作物統計」

注：表中に用いた記号「0」：単位に満たないもの(例：0.4ha→0ha)、「-」：事実のないもの、「…」：事実不詳又は調査を欠くもの、「nc」：計算不能